

Số 1866 -QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

cho phép sinh viên hệ đại học chính quy học cùng lúc hai chương trình

Căn cứ Quyết định số 56-QĐ/HVCTQG ngày 10/01/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng, ngành Giáo dục mầm non, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Căn cứ Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Biên bản họp Ban xét tuyển hồ sơ học cùng lúc hai chương trình đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép sinh viên hệ đào tạo đại học chính quy được học cùng lúc hai chương trình từ năm học 2026 - 2027 (có Danh sách sinh viên, ngành học kèm theo).

Điều 2. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

Điều 3. Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c),
- Học viện CTQG HCM (b/c),
- Ban Giám đốc Học viện,
- Các đơn vị,
- Lưu VT, ĐT.



K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Trường Giang

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH ĐỘT 1 NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 1866 -QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 29 / 5/2026
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngành học			Dự kiến khóa học chương trình 2	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC thang 10	Điểm TBC thang 4	Chứng chỉ NN
			Chương trình 1	Khóa học chương trình 1	Chương trình 2					
1	2355280007	Nguyễn Vũ Tuệ Anh	Kinh tế và QL (CLC)	43	Báo mạng điện tử	44	86	7,59	2,98	
2	2355270048	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang	Kinh tế và QL	43	Báo mạng điện tử	44	82	7,22	2,85	
3	2450010022	Công Ngọc Khánh	Triết học MLN	44	Báo truyền hình	44	45	7,22	2,91	
4	2353010008	Nguyễn Việt Anh	Xã hội học	43	Báo truyền hình	44	88	6,72	2,53	
5	2455300116	Dương Thị Thu Trà	CTTT-VH	44A2	Báo truyền hình	44	49	7,65	3,05	
6	2450010006	Vũ Hà Anh	Triết học MLN	44	Báo truyền hình	44	45	6,85	2,51	
7	2455300088	Dương Thị Giao Linh	CTTT-VH	44A2	Báo truyền hình	44	46	7,42	3,0	
8	2355350017	Phạm Quốc Khánh	Văn hóa phát triển	43	Quay phim truyền hình	44	63	6,64	2,59	
9	2355370032	Nguyễn Quỳnh Như	Quản lý HCNN	43	Ảnh báo chí	44	83	6,92	2,65	
10	2355310025	Đinh Thị Thanh Huyền	Chính trị phát triển	43	Quan hệ chính trị & TTQT	44	65	6,53	3,03	
11	2450100002	Đinh Thị Phương Anh	Lịch sử Đảng	44	Quan hệ chính trị & TTQT	44	45	8,32	3,58	
12	2456140014	Nguyễn Minh Hồng	Quan hệ quốc tế và TTTC	44	Truyền thông Marketing	44	75	8,72	3,69	
13	2451020029	Nguyễn Khánh Ly	Kinh tế chính trị	44	Truyền thông Marketing	44	43	7,59	3,1	
14	2451020048	Nguyễn Phùng Hương Trang	Kinh tế chính trị	44	Truyền thông Marketing	44	44	7,03	2,66	
15	2451020009	Lê Trần Anh Chiến	Kinh tế chính trị	44	Truyền thông Marketing	44	34	6,38	2,5	
16	2451020049	Nguyễn Thị Trang	Kinh tế chính trị	44	Truyền thông Marketing	44	41	7,96	3,38	
17	2450100048	Trần Yến Nhi	Lịch sử Đảng	44	Truyền thông Marketing	44	45	6,75	2,54	
18	2455330002	Tô Hoàng Trâm Anh	TTHCM	44	Truyền thông Marketing	44	44	7,43	2,99	
19	2351010016	Nguyễn Thúy Hiền	Công tác xã hội	43	Truyền thông Marketing	44	83	7,84	3,19	
20	2451020032	Trần Gia Mỹ	Kinh tế chính trị	44	Truyền thông Marketing	44	39	7,16	2,78	
21	2451020025	Triệu Nguyễn Ánh Linh	Kinh tế chính trị	44	Truyền thông Marketing	44	45	7,59	2,88	
22	2452020029	Đào Ngọc Linh	Xây dựng Đảng & CQNN	44A1	Truyền thông Marketing	44	45	7,68	2,91	
23	2455330020	Nguyễn Thảo Ly	TTHCM	44	Truyền thông Marketing	44	44	7,56	3,08	
24	2451020017	Ma Thị Ngọc Hoa	Kinh tế chính trị	44	Truyền thông Marketing	44	39	7,06	2,72	
25	2456140032	Hoàng Vũ Khôi Nguyên	Quan hệ quốc tế và TTTC	44	Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	44	50	7,83	3,02	
26	2450100050	Hồ Minh Phương	Lịch sử Đảng	44	Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	44	45	6,77	2,63	
27	2350080017	Lâm Ngọc Huyền	Chủ nghĩa XHKH	43	Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	44	81	6,94	2,62	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngành học		Dự kiến khóa học chương trình 2	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC thang 10	Điểm TBC thang 4	Chứng chỉ NN	
			Chương trình 1	Khóa học chương trình 1						Chương trình 2
28	2351020025	Hoàng Ngọc Linh	Kinh tế chính trị	43	Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	44	79	7,05	2,68	
29	2350080008	Phan Nguyễn Minh Châu	Chủ nghĩa XHKH	43	Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	44	76	6,98	2,74	
30	2450100009	Lê Phương Bắc	Lịch sử Đảng	44	Truyền thông đa phương tiện	44	45	7,04	2,63	
31	2350100036	Nguyễn Thị Kim Thoa	Lịch sử Đảng	43	Truyền thông đa phương tiện	44	88	6,93	2,66	
32	2353010057	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Xã hội học	43	Truyền thông đa phương tiện	44	91	7,8	3,13	
33	2350080025	Nguyễn Kim Long	Chủ nghĩa XHKH	43	Truyền thông đa phương tiện	44	73	6,24	2,62	
34	2350080015	Bùi Thu Huệ	Chủ nghĩa XHKH	43	Truyền thông đa phương tiện	44	86	7,02	2,69	
35	2455330019	Nguyễn Cẩm Ly	TTHCM	44	Truyền thông đa phương tiện	44	44	7,55	3,03	
36	2352020065	Nguyễn Quang Lâm	Xây dựng Đảng & CQNN	43A2	Truyền thông đa phương tiện	44	85	7,38	2,96	
37	2452020097	Trịnh Trúc Quỳnh	Xây dựng Đảng & CQNN	44A2	Truyền thông đa phương tiện	44	45	7,24	2,82	
38	2255320010	Mã Thành Chương	Quản lý xã hội	42	Truyền thông đa phương tiện	44	121	7,03	2,69	
39	2355360031	Lưu Lê Bảo Ngọc	Chính sách công	43	Truyền thông đa phương tiện	44	87	6,98	2,74	
40	2455330033	Lê Hương Quỳnh	TTHCM	44	Truyền thông đại chúng	44	44	7,38	2,92	
41	2452010009	Phạm Lan Chi	Ngôn ngữ Anh	44	Truyền thông đại chúng	44	45	8,2	3,41	
42	2451100013	Phạm Thị Hương Giang	Quảng cáo	44	Ngôn ngữ Anh	44	48	8,09	3,4	V-STEP bậc 4
43	2451050111	Bùi Thị Thu Uyên	Truyền thông đại chúng	44 A2	Ngôn ngữ Anh	44	48	8,55	3,57	V-STEP bậc 5
44	2451050104	Nguyễn Anh Thư	Truyền thông đại chúng	44 A2	Ngôn ngữ Anh	44	50	8,71	3,63	V-STEP bậc 4
45	2456160027	Lâm Hoàng Linh	Truyền thông maketing	44 A1	Ngôn ngữ Anh	44	47	7,9	3,22	V-STEP bậc 4